TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8- BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/HNGĐ- ST
Ngày 06- 02- 2026
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - BẮC NINH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thắng.

2. Bà Phan Thị Nhụ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Nhật Huy- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2025/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025, về việc Ly hôn, theo Qết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026, Qết định hoãn phiên toà số 46/QĐST- HNGĐ ngày 30/01/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Q, sinh năm 2000.

Nơi cư trú: Thôn C, xã B, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi tạm trú: Thôn D, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh. (xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn C, xã B, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi tạm trú: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung vụ án N sau:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị Q trình bày: Chị Q kết hôn với anh Trương Văn T ngày 12/02/2020. Trước khi cưới có tìm hiểu thoả thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Lộc, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã B,

tỉnh Lạng Sơn), sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hoà thuận và chưa có con chung. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hoà hợp về tính tình nên trong cuộc sống hay xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, mặt khác anh T hay chơi bời cờ bạc nợ nần nhiều, nhiều lần chị đã phải trả nợ thay cho anh T, chị đã khuyên bảo nhiều lần Nng anh T không nghe, hai bên gia đình không dàn xếp. Vợ chồng đã sống ly thân đầu năm 2025 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị toà án gải Qết cho chị được ly hôn anh T theo Q định của pháp luật.

Con chung: Chưa có.

Tài sản, công nợ, trích chia công sức: Không có vướng mắc gì. Sau khi ly hôn không yêu cầu giải Qết.

Đối với anh Trương Văn T là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy tờ Nng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án anh T đều vắng mặt không có lý do và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho Qền lợi của mình.

Tại phiên tòa, chị Q có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh T. Về con chung, tài sản, công nợ, trích chia công sức chị không yêu cầu giải Qết. Anh T dù được triệu tập hợp lệ những vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải Qết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng Q định của pháp luật. Về ý kiến giải Qết vụ án đề ghị HĐXX: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 27 Nghị Qết 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Q định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Q được ly hôn anh Trương Văn T.

Về con chung: không xem xét giải Qết.

Về tài sản, công nợ, trích chia công sức, công nợ: không xem xét.

Về án phí: Chị Hoàng Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Q định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trương Quang T là bị đơn trong vụ án đang tạm trú tại: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh. Theo Q định tại khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh là Tòa án có thẩm Qền giải Qết vụ án.

Tại phiên tòa, anh Trương Văn T đã được Toà án triệu tập và tống đạt các văn bản theo Q định Nng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do; chị Hoàng Thị Q vắng mặt Nng có đơn xin vắng mặt. HĐXX Qết định xét xử vắng mặt anh T theo Q định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; xét xử vắng mặt chị Q theo Q định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Hoàng Thị Q kết hôn với anh Trương Văn T ngày 12/02/2020. Trước khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Lộc, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã B, tỉnh Lạng Sơn) được xác nhận là hôn nhân hợp pháp, sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hoà thuận và chưa có con chung. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Q trình bày là do vợ chồng không hoà hợp về tính tình nên trong cuộc sống hay xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, mặt khác anh T hay chơi bời cờ bạc nợ nần nhiều, nhiều lần chị đã phải trả nợ thay cho anh T, chị đã khuyên bảo nhiều lần Nng anh T không nghe. Vợ chồng đã sống ly thân đầu năm 2025 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị toà án gải Qết cho chị được ly hôn anh T theo Q định của pháp luật. Quá trình giải Qết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Trương Văn T nhiều lần Nng không đến Tòa án làm việc và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Toà án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải để các đương sự về đoàn tụ chung sống với nhau được. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì được biết anh T quê ở tỉnh Lạng Sơn, hiện đang làm công nhân và thuê trọ tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình anh chị chung sống xảy ra mâu thuẫn N thế nào địa phương không nắm được. HĐXX xét thấy chị Q và anh T sống ly thân nhau đã lâu, chị Q không có nguyện vọng chung sống cùng anh T, mặt khác anh T không đến Toà án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Toà án chứng tỏ anh T cũng không muốn đoàn tụ chung sống cùng chị Q. N vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm và tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy cần giải Qết cho chị Hoàng Thị Q được ly hôn anh Trương Văn T theo Q định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị Q và anh Trương Văn T không có con chung.

[4] Về tài sản chung, trích chia công sức, công nợ: Chị Q và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Q định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện VKS ở tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Qết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Q định về án phí, lệ phí Toà án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Q được ly hôn anh Trương Văn T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Không xem xét giải Qết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Q phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001031 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. (Xác nhận chị Q đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

5. Về Qền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có Qền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND KV 8- Bắc Ninh;
-THADS tỉnh Bắc Ninh;
-UBND xã B, tỉnh Lạng Sơn;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Hợp